TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2018
V/v: Ly hôn giữa anh Sỹ và chị Út

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp
2. Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2456/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Tổ 1, ấp Thiên Bình, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ 1, ấp Thiên Bình, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.
(Anh S có đơn xin vắng mặt, chị Ú vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 03/11/2017, bản tự khai và tại các buổi hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Ú tự tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/5/2012. Kể từ thời điểm kết hôn cho đến giữa năm 2016 vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ giữa năm 2016 cho đến hiện nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy, anh không còn

tình cảm yêu thương với chị Ú nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ú.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 22/10/2014. Hiện nay các con đang sống với anh, ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Ú cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Úđã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Ú vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Anh S yêu cầu được ly hôn với chị Ú là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ngoài việc trình bày của anh S về mâu thuẫn gia đình giữa 02 vợ chồng, Tòa án đã xác minh chị Ú đang cư trú tại địa phương, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị Ú không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân. Chứng tỏ chị Ú không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa. Về con chung: Xét yêu cầu của anh S chấp nhận yêu cầu của anh Sỹ giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 22/10/2014 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, Tạm thời, chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ việc riêng khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ú căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh S là nguyên đơn, chị Ú là bị đơn trong vụ án.

Anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị Ú đăng ký thường trú tại thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Huỳnh Thị Ú đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ

tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S và chị Ú.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị Ú tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/5/2012 nên áp dụng vào các Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, anh S xác định không còn tình cảm với chị Ú, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hiện anh và chị Ú đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho đến hiện nay, là vợ chồng nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh S và chị Ú đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ú đã được Tòa án tiến hành nêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy chị Ú có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của anh S là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 22/10/2014. Hiện nay các con đang sống với anh S, ly hôn anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Ú cấp dưỡng nuôi các con chung. Xét đề nghị này của anh S là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay các con chung đang sống cùng anh S và anh S vẫn chăm sóc tốt cho các con chung nên việc giao 02 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị Ú vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng vào các Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh nguyễn Văn S đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Ú về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1991.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 27/7/2012 và cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 22/10/2014 cho anh Sỹ được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ú được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị Ú thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, khi có yêu cầu các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh S đã nộp theo biên lai thu số 003394 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Anh S, chị Ú được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã T, thành phố.H, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.